

Số: 0484/2008/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01 THÁNG 01 NĂM 2007 ĐẾN NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2007
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Kính gửi: **CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Công ty Cổ phần S.P.M gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 04 tháng 4 năm 2008, từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Quá trình kiểm toán được thực hiện theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của Kiểm toán viên.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm số liệu của Công ty TNHH S.P.M từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 28 tháng 02 năm 2007 và số liệu của Công ty cổ phần S.P.M từ ngày 01 tháng 3 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007.

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính đề cập được phát hành theo yêu cầu của Ban Giám đốc Công ty cổ phần S.P.M nhằm cung cấp thêm thông tin cho cổ đông và Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2007 chứ không nhằm bất cứ mục đích nào khác.

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần S.P.M tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0100/KTV

Hoàng Thị Thu Hương - Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0101/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		99,697,501,415	93,673,147,822
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	7,241,401,274	745,605,418
1. Tiền	111		7,241,401,274	745,605,418
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		64,740,093,055	71,717,847,586
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	61,030,998,634	70,171,022,394
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	3,284,954,518	1,387,944,916
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	424,139,903	158,880,276
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		27,160,331,428	20,837,642,275
1. Hàng tồn kho	141	V.5	27,843,884,993	20,837,642,275
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.6	(683,553,565)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		555,675,658	372,052,543
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	12,307,100	331,603,694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47,983,869	25,273,976
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	495,384,689	15,174,873

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		119,559,604,806	43,087,921,071
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		105,414,659,983	42,796,142,459
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	33,790,701,596	36,301,225,279
<i>Nguyên giá</i>	222		53,398,110,758	50,829,004,990
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(19,607,409,162)	(14,527,779,711)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6,337,929,587	6,494,917,180
<i>Nguyên giá</i>	228		7,281,897,278	7,281,897,278
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(943,967,691)	(786,980,098)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	65,286,028,800	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		13,870,059,000	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	13,870,059,000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		274,885,823	291,778,612
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	274,885,823	291,778,612
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		219,257,106,221	136,761,068,893

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		68,243,573,437	42,800,317,492
I. Nợ ngắn hạn	310		66,203,725,937	41,210,317,492
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	20,367,310,828	28,962,051,405
2. Phải trả người bán	312	V.15	20,612,332,825	11,017,242,642
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	4,089,737,872	111,472,783
5. Phải trả người lao động	315	V.17	942,189,300	857,652,000
6. Chi phí phải trả	316	V.18	387,893,681	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	19,804,261,431	261,898,662
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		2,039,847,500	1,590,000,000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	2,000,000,000	1,590,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		39,847,500	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151,013,532,784	93,960,751,401
I. Vốn chủ sở hữu	410		151,013,532,784	93,960,751,401
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	100,000,000,000	50,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	51,013,532,784	43,960,751,401
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		219,257,106,221	136,761,068,893

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
		<u> </u>	<u> </u>
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		4,296.64	632.95
Euro (EUR)		103.24	840.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2008

Võ Tuấn Anh
Người lập biểu

Võ Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỹ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	202,549,867,491	145,660,549,339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6,117,741,366	3,795,462,601
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	196,432,126,125	141,865,086,738
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	100,902,078,720	70,942,655,391
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		95,530,047,405	70,922,431,347
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	195,811,295	80,369,670
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	2,978,752,905	4,327,803,898
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2,835,029,111	4,097,804,034
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	24,249,817,537	21,027,716,781
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	5,934,756,043	3,852,614,617
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62,562,532,215	41,794,665,721
11. Thu nhập khác	31	VI.7	415,448,986	436,847,343
12. Chi phí khác	32	VI.8	400,217,637	1,502,081,367
13. Lợi nhuận khác	40		15,231,349	(1,065,234,024)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		62,577,763,564	40,729,431,697
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	5,524,982,181	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>57,052,781,383</u>	<u>40,729,431,697</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>-</u>	<u>-</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2008

Võ Tuấn Anh
 Người lập biểu

Võ Tuấn Anh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỳ
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**(Theo phương pháp gián tiếp)****Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		62,577,763,564	40,729,431,697
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	5,236,617,044	4,704,353,538
- Các khoản dự phòng	03	V.6	683,553,565	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2,835,029,111	4,131,723,326
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		71,332,963,284	49,565,508,561
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6,474,834,822	(23,134,840,715)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7,006,242,718)	6,508,178,398
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		28,037,331,160	(157,792,617)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		336,189,383	294,785,385
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2,769,345,930)	(4,131,723,326)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(46,622,353)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	168,415,950
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		96,405,730,001	29,065,909,283
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11	(67,855,134,568)	(4,878,911,089)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	V.12	(13,870,059,000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81,725,193,568)	(4,878,911,089)

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	31,000,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(1,000,000,000)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14, V.20	121,012,756,487	65,064,161,053
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14, V.20	(129,197,497,064)	(79,152,563,846)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(39,750,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(8,184,740,577)	(23,838,402,793)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6,495,795,856	348,595,401
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	745,605,418	397,010,017
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	7,241,401,274	745,605,418

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2008

Võ Tuấn Anh
Người lập biểu

Võ Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỹ
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất và mua bán: mỹ phẩm, thực phẩm; Sản xuất dược phẩm; Dịch vụ cho thuê mặt bằng, văn phòng; Dịch vụ cho thuê kho; Mua bán dược phẩm; Kinh doanh nhà.
4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm số liệu của Công ty TNHH S.P.M từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 28 tháng 02 năm 2007 và số liệu của Công ty cổ phần S.P.M từ ngày 01 tháng 3 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Do việc chuyển đổi từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2007 trên cơ sở kế thừa toàn bộ các quyền lợi và nghĩa vụ đối với tài sản của Công ty TNHH nên Báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 – 10

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả trước cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (46 năm).

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

8. Chi phí trả trước

8.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí vật phẩm tiếp thị

Các chi phí vật phẩm tiếp thị được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 01 năm.

Chi phí quảng cáo

Các chi phí quảng cáo được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 01 năm.

8.2 Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ 2 lần: 50% khi xuất dùng và 50% khi báo hỏng.

9. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn điều lệ mà các cổ đông đã đầu tư.

11. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo.

Năm tài chính 2004 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

13. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày 31/12/2006 : 16.101 VND/USD
31/12/2007 : 16.114 VND/USD

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.487.648	337.397.679
Tiền gửi ngân hàng	7.238.913.626	408.207.739
Cộng	<u>7.241.401.274</u>	<u>745.605.418</u>

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	28.621.248.948	51.039.289.632
Chi nhánh Công ty TNHH dược phẩm Đô Thành	31.599.416.031	18.969.952.433
Các khách hàng khác	810.333.655	161.780.329
Cộng	<u>61.030.998.634</u>	<u>70.171.022.394</u>

3. Trả trước cho người bán

Khoản trả trước cho người bán để mua nguyên vật liệu.

4. Phải thu khác

Khoản phải thu hàng xuất gửi đi gia công.

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi đường	3.030.134.879	265.482.959
Nguyên liệu, vật liệu	22.896.272.061	16.838.197.752
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	898.583.148	2.939.788.517
Thành phẩm	1.018.894.905	794.173.047
Cộng	<u>27.843.884.993</u>	<u>20.837.642.275</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	403.236.142	-
Thành phẩm	280.317.423	-
Cộng	<u>683.553.565</u>	<u>-</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Số đầu năm	-
Trích lập dự phòng	683.553.565
Số cuối năm	<u>683.553.565</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Chi phí vật phẩm tiếp thị	331.603.694	2.270.431.429	(2.574.976.123)	(14.751.900)	12.307.100
Chi phí quảng cáo	-	2.954.545.455	(2.954.545.455)	-	-
Cộng	331.603.694	5.224.976.884	(5.529.521.578)	(14.751.900)	12.307.100

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	164.241.965	15.174.873
Thẻ chấp, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	331.142.724	-
Cộng	495.384.689	15.174.873

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.043.843.781	35.490.178.745	323.059.827	971.922.637	50.829.004.990
Mua sắm mới	65.000.000	2.465.084.339	-	39.021.429	2.569.105.768
Số cuối năm	14.108.843.781	37.955.263.084	323.059.827	1.010.944.066	53.398.110.758
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	3.184.387.315	10.813.318.512	106.729.188	423.344.696	14.527.779.711
Khấu hao trong năm	810.969.727	4.120.803.361	34.008.012	113.848.351	5.079.629.451
Số cuối năm	3.995.357.042	14.934.121.873	140.737.200	537.193.047	19.607.409.162
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.859.456.466	24.676.860.233	216.330.639	548.577.941	36.301.225.279
Số cuối năm	10.113.486.739	23.021.141.211	182.322.627	473.751.019	33.790.701.596

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 45.279.771.892 VND và 27.748.506.977 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Chợ Lớn.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	
Số đầu năm	7.281.897.278
Số cuối năm	7.281.897.278
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	786.980.098
Khấu hao trong năm	156.987.593
Số cuối năm	943.967.691

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị còn lại

Số đầu năm

6.494.917.180

Số cuối năm

6.337.929.587

Toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ và Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Chợ Lớn.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ (máy đập viên)	-	1.410.973.200	-	1.410.973.200
XDCB dở dang (Dự án khu nhà ở Phường Lưu Trường, Quận 9, TP.HCM)	-	63.875.055.600	-	63.875.055.600
Cộng	-	65.286.028.800	-	65.286.028.800

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty chứng khoán quốc tế Hoàng Gia	6.750.000.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Nam Bắc	2.750.000.000	-
Công ty cổ phần dược thiết bị y tế Đà Nẵng	2.025.000.000	-
Dự án thủy điện Nậm Láng Sơn La	2.345.059.000	-
Cộng	13.870.059.000	-

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	281.944.962	-	(7.059.139)	274.885.823
Chi phí sửa chữa	9.833.650	54.043.044	(63.876.694)	-
Cộng	291.778.612	54.043.044	(70.935.833)	274.885.823

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	20.367.310.828	28.622.051.405
- Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ ^(a)	3.814.408.376	4.499.765.858
- Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Chợ Lớn ^(b)	16.552.902.452	-
- Ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Tân ^(c)	-	24.122.285.547
Vay dài hạn đến hạn trả	-	340.000.000
Cộng	20.367.310.828	28.962.051.405

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Phú Thọ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0065/TD7/06LD ngày 25 tháng 4 năm 2006 với lãi suất được xác định tại thời điểm rút vốn để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.7) và được cam kết bảo lãnh bởi Bà Nguyễn Thị Nghi Huyền.
- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu – Chi nhánh Chợ Lớn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02140507 ngày 14 tháng 5 năm 2007 với lãi suất được quy định trong từng kế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất và một số máy móc thiết bị dùng trong sản xuất được phẩm (xem thuyết minh số V.7).
- (c) Khoản vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – chi nhánh Bình Tân theo Hợp đồng tín dụng số 06090112/HĐTD ngày 28 tháng 4 năm 2006 với lãi suất 0,95%/tháng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số máy móc thiết bị, nhà xưởng (xem thuyết minh số V.7) và quyền sử dụng đất tại lô số 51-53 đường số 2, Khu công nghiệp Tân Tạo, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	28.622.051.405	117.702.756.487	(125.957.497.064)	20.367.310.828
Vay dài hạn đến hạn trả	340.000.000	-	(340.000.000)	-
Cộng	28.962.051.405	117.702.756.487	(126.297.497.064)	20.367.310.828

15. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhà cung cấp ngoài nước	5.635.968.784	936.456.359
Nhà cung cấp trong nước	14.976.364.041	10.080.786.283
Cộng	20.612.332.825	11.017.242.642

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng nội địa	83.691.887	1.675.395.345	(1.689.563.337)	69.523.895
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	26.441.792	3.316.585.431	(3.295.043.354)	47.983.869
Thuế xuất, nhập khẩu	1.339.104	718.340.300	(709.480.562)	10.198.842
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	5.524.982.181	(1.582.777.115)	3.942.205.066
Thuế thu nhập cá nhân	-	19.826.200	-	19.826.200
Cộng	111.472.783	11.255.129.457	(7.276.864.368)	4.089.737.872

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

- Hàng xuất khẩu:	0%
- Hàng được phẩm tiêu thụ trong nước:	5%
- Hoạt động khác:	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh IV.12.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Hoạt động sản xuất được phẩm	Hoạt động khác	Cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	62.331.142.948	246.620.621	62.577.763.569
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		-	
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.414.569.153		10.414.569.153
- Các khoản điều chỉnh giảm (chuyển lỗ)	11.327.747.223		11.327.747.223
	(913.178.070)		(913.178.070)
Tổng thu nhập chịu thuế	72.745.712.101	246.620.621	72.992.332.722
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	28%	
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	10.911.856.815	69.053.774	10.980.910.589
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(5.455.928.408)	-	(5.455.928.408)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.455.928.407	69.053.774	5.524.982.181

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Khoản lương tháng 12 năm 2007 và thưởng tháng 13 phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hỗ trợ truyền thông cho sản phẩm Myvita	221.892.500	-
Chi phí lãi vay	65.683.181	-
Chi phí khác	100.318.000	-
Cộng	387.893.681	-

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội	105.535.500	185.720.199
Phải trả khác ^(*)	19.698.725.931	76.178.463
Cộng	19.804.261.431	261.898.662

^(*) Chủ yếu là khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh nhà ở tại phường Long Trường, quận 9, TP. Hồ Chí Minh của Bà Chu Thị Thu Phương với số tiền là 18.380.614.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vay và nợ dài hạn

Vay các cá nhân với lãi suất 1%. Khoản vay này không phải thế chấp, cầm cố tài sản.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

Tổng nợ	4.590.000.000
Từ 1 năm trở xuống	-
Trên 1 năm đến 5 năm	4.590.000.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn

Số đầu năm	1.590.000.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	3.310.000.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.900.000.000)
Số cuối năm	2.000.000.000

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	42.981.319.704	62.981.319.704
Tăng vốn trong năm trước	31.000.000.000	-	31.000.000.000
Giảm vốn trong năm trước	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Lợi nhuận trong năm trước	-	40.729.431.697	40.729.431.697
Chia cổ tức năm trước	-	(39.750.000.000)	(39.750.000.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	43.960.751.401	93.960.751.401
Số đầu năm	50.000.000.000	43.960.751.401	93.960.751.401
Tăng vốn trong năm	50.000.000.000	-	50.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	57.052.781.383	57.052.781.383
Chia cổ tức trong năm	-	(50.000.000.000)	(50.000.000.000)
Số cuối năm	100.000.000.000	51.013.532.784	151.013.532.784

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức năm trước (chi trả bằng cổ phiếu)	50.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm nay	-
Cộng	50.000.000.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	3.000.000	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	-
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	-
- Cổ phiếu ưu đãi	3.000.000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	202.549.867.491	145.660.549.339
- Doanh thu bán hàng hóa	6.263.702.946	-
- Doanh thu bán thành phẩm	195.722.385.890	144.608.912.976
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	563.778.655	1.051.636.363
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(6.117.741.366)	(3.795.462.601)
- Hàng bán bị trả lại	(6.109.704.686)	(3.795.462.601)
- Giảm giá hàng bán	(8.036.680)	-
Doanh thu thuần	<u>196.432.126.125</u>	<u>141.865.086.738</u>
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	6.263.702.946	-
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	189.604.644.524	140.813.450.375
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	563.778.655	1.051.636.363

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	6.006.095.604	24.468.872
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ^(a)	94.604.184.528	70.918.186.519
Giá vốn của dịch vụ	291.798.588	-
Cộng	<u>100.902.078.720</u>	<u>70.942.655.391</u>

^(a) Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	75.896.302.804	51.927.688.785
Chi nhân công trực tiếp	3.495.371.445	4.495.359.000
Chi phí sản xuất chung	12.712.473.203	11.325.992.744
Tổng chi phí sản xuất	92.104.147.452	67.749.040.529
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	2.041.205.369	479.827.845
Tổng giá thành sản xuất	94.145.352.821	68.228.868.374
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	(224.721.858)	2.689.318.145
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	683.553.565	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	<u>94.604.184.528</u>	<u>70.918.186.519</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	29.155.555	6.443.483
Lãi chênh lệch tỷ giá	166.655.740	73.926.187
Cộng	<u>195.811.295</u>	<u>80.369.670</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.835.029.111	4.097.804.034
Lãi trả chậm tiền hàng	72.868.964	33.919.292
Lỗ chênh lệch tỷ giá	70.854.830	196.080.572
Cộng	<u>2.978.752.905</u>	<u>4.327.803.898</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	319.969.000	400.980.452
Chi phí nguyên vật liệu bao bì	3.512.902.712	0
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.048.389.442	45.333.028
Chi phí bằng tiền khác	19.368.556.383	20.581.403.301
Cộng	<u>24.249.817.537</u>	<u>21.027.716.781</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.206.562.373	818.936.350
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	632.109.795	183.688.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	564.306.173	555.393.966
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.344.420.363	979.767.351
Chi phí bằng tiền khác	1.187.357.339	1.314.828.098
Cộng	<u>5.934.756.043</u>	<u>3.852.614.617</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhập thừa nguyên liệu trong sản xuất	67.591.567	436.847.343
Thu nhập bán phế liệu	47.071.200	-
Thu nhập khác	300.786.219	-
Cộng	<u>415.448.986</u>	<u>436.847.343</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí sửa chữa nhà xưởng không có chứng từ hợp lệ	-	1.300.000.000
Xử lý hao hụt hàng đưa đi gia công	-	88.691.367
Chi phí khác	400.217.637	113.390.000
Cộng	<u>400.217.637</u>	<u>1.502.081.367</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	79.922.387.026	52.653.703.350
Chi phí nhân công	7.235.928.423	6.566.352.802
Chi phí công cụ dụng cụ	1.450.767.074	784.639.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.236.617.044	4.704.353.538
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.106.673.100	4.011.212.074
Chi phí khác	22.767.352.929	25.988.813.633
Cộng	<u>122.719.725.596</u>	<u>94.709.075.202</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	420.495.000	-
Bảo hiểm xã hội	3.168.000	-
Cộng	<u>423.663.000</u>	<u>-</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty chỉ bao gồm Công ty dược phẩm Đô Thành - Công ty cùng chủ đầu tư

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với Công ty dược phẩm Đô Thành như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán thành phẩm	209.800.596.793	150.473.187.649
Cho thuê kho	612.901.975	1.051.636.363

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với Công ty dược phẩm Đô Thành như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bán thành phẩm và cho thuê kho	60.220.664.979	70.009.242.065
Cộng nợ phải thu	<u>60.220.664.979</u>	<u>70.009.242.065</u>

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: lô số 51, đường số 2, khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2007

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	45,47	68,49
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	54,53	31,51
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,12	31,30
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,88	68,70
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,21	3,20
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,51	2,27
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,11	0,02
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	31,86	28,71
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	29,04	28,71
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	28,54	29,78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	26,02	29,78
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	37,78	43,35

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 4 năm 2008

Võ Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Thế Kỷ
Tổng Giám đốc